

QUY ĐỊNH ỦY QUYỀN CỦA ỦY BAN (EU) 2021/1342**của 27 Tháng Năm 2021**

bổ sung Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu với các quy tắc về thông tin được gửi bởi các nước thứ ba và bởi các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát nhằm mục đích giám sát việc công nhận của họ theo Điều 33 (2) và (3) của Quy định Hội đồng (EC) số 834/2007 đối với các sản phẩm hữu cơ nhập khẩu và các biện pháp được thực hiện trong việc thực hiện giám sát đó

(Văn bản có liên quan đến EEA)

ỦY BAN CHÂU ÂU,

Liên quan đến Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu,

Liên quan đến Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ⁽¹⁾, và đặc biệt là Điều 48 (4) và 57 (3) của chúng,

Trong khi đó:

- (1) Căn cứ Điều 48 (1) của Quy định (EU) 2018/848, việc công nhận các nước thứ ba cho các mục đích tương đương theo Điều 33 (2) của Quy định Hội đồng (EC) số 834/2007 ⁽²⁾ đối với nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ vào Liên minh sẽ hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2026.
- (2) Căn cứ Điều 57(1) của Quy định (EU) 2018/848, việc công nhận các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát cho các mục đích tương đương theo Điều 33 (3) của Quy định (EC) số 834/2007 đối với nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ vào Liên minh sẽ hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.
- (3) Khi được đưa vào thị trường Liên minh cho đến khi kết thúc các giai đoạn chuyển tiếp đó, các sản phẩm hữu cơ nhập khẩu vào Liên minh theo các chương trình nhập khẩu đó phải được sản xuất theo các quy tắc sản xuất và tuân theo các thỏa thuận kiểm soát tương đương với các quy định trong Quy định (EC) số 834/2007 cũng như với các quy tắc thực hiện liên quan được quy định trong Quy định của Ủy ban (EC) số 889/2008 ⁽³⁾ và (EC) số 1235/2008 ⁽⁴⁾.
- (4) Do đó, ở tất cả các giai đoạn sản xuất, chuẩn bị và phân phối ở các nước thứ ba, các nhà khai thác nên tiếp tục gửi các hoạt động của mình cho hệ thống kiểm soát của nước thứ ba được công nhận cho các mục đích tương đương như được đề cập trong Điều 48 (1) của Quy định (EU) 2018/848, hoặc cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát như được đề cập trong Điều 57 (1) của Quy định đó.
- (5) Để đảm bảo sự giám sát thích hợp của các nước thứ ba đó hoặc các cơ quan kiểm soát và các cơ quan kiểm soát có liên quan, cần phải đặt ra các quy tắc về thủ tục xem xét thường xuyên việc công nhận họ trong giai đoạn chuyển tiếp. Vì mục đích đó, Quy định này cần nêu rõ, đặc biệt, thông tin được cung cấp bởi các nước thứ ba hoặc các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát cho Ủy ban để thực hiện giám sát đó, bao gồm cả thông qua kiểm tra tại chỗ. Ngoài ra, Quy định này cần đưa ra các biện pháp mà Ủy ban phải

thực hiện trong việc thực hiện giám sát đó, bao gồm đình chỉ hoặc rút các nước thứ ba được công nhận hoặc các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát khỏi các danh sách được thiết lập theo Điều 48 (3) và 57 (2) của Quy định (EU) 2018/848.

(6) Vì lợi ích của sự rõ ràng và chắc chắn về mặt pháp lý, Quy định này nên được áp dụng kể từ ngày áp dụng Quy định (EU) 2018/848 cho đến khi hết hạn công nhận các nước thứ ba hoặc cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát,

ĐÃ THÔNG QUA QUY ĐỊNH NÀY:

Điều 1

Giám sát của nước thứ ba

1. Báo cáo hàng năm được gửi đến Ủy ban theo Điều 48 (2) của Quy định (EU) 2018/848, trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, bởi một nước thứ ba được đề cập trong Điều 48 (1) của Quy định đó và được đưa vào danh sách được thiết lập bởi Quy chế thực hiện sẽ được thông qua theo Điều 48 (3) của Quy định (EU) 2018/848 ('nước thứ ba') sẽ bao gồm:

(a) thông tin về sự phát triển sản xuất hữu cơ ở nước thứ ba, bao gồm các sản phẩm được sản xuất, diện tích trồng trọt, vùng sản xuất, số lượng nhà sản xuất và hoạt động chế biến thực phẩm;

(b) thông tin về bản chất nông sản, thực phẩm hữu cơ xuất khẩu sang Liên minh;

(c) mô tả về các hoạt động giám sát và giám sát được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba trong năm trước, kết quả thu được và các biện pháp khắc phục được thực hiện;

(d) bất kỳ cập nhật nào về các tiêu chuẩn sản xuất được áp dụng ở nước thứ ba được đánh giá là tương đương với các quy tắc sản xuất được đề cập trong Tiêu đề III và IV của Quy định (EC) số 834/2007;

(e) bất kỳ cập nhật nào về các biện pháp kiểm soát được áp dụng ở nước thứ ba, được đánh giá là có hiệu quả tương đương với các biện pháp được đề cập trong Tiêu đề V của Quy định (EC) số 834/2007 và xác nhận rằng các biện pháp kiểm soát đó đã được áp dụng vĩnh viễn và hiệu quả;

(f) bất kỳ cập nhật nào khác về hồ sơ kỹ thuật của nước thứ ba;

(g) trang web internet hoặc địa chỉ khác nơi có thể tìm thấy danh sách cập nhật các nhà khai thác thuộc hệ thống kiểm soát, cũng như đầu mối liên lạc nơi thông tin có sẵn về tình trạng chứng nhận của họ và các loại sản phẩm liên quan;

(h) bất kỳ thông tin nào khác được coi là có liên quan bởi nước thứ ba.

2. Nước thứ ba phải thông báo cho Ủy ban ngay lập tức, thông qua nền tảng điện tử Hệ thống thông tin nông nghiệp hữu cơ (OFIS), về bất kỳ thay đổi nào được thực hiện đối với các biện pháp có hiệu lực tại nước thứ ba đó hoặc việc thực hiện chúng, và đặc biệt là đối với hệ thống kiểm soát của Ủy ban.

3. Nước thứ ba sẽ thông báo cho Ủy ban ngay lập tức, thông qua OFIS, về bất kỳ thay đổi nào được thực hiện đối với dữ liệu hành chính có trong danh sách được thiết lập bởi Quy chế thực thi sẽ được thông qua theo Điều 48 (3) của Quy định (EU) 2018/848.

4. Ủy ban có thể bất cứ lúc nào yêu cầu thêm bất kỳ thông tin nào từ nước thứ ba, bao gồm cả việc nộp một hoặc nhiều báo cáo kiểm tra tại chỗ do các chuyên gia độc lập lập.

5. Ủy ban có thể, dựa trên đánh giá rủi ro hoặc trong trường hợp nghi ngờ không tuân thủ, tổ chức một cuộc kiểm tra tại chỗ tại nước thứ ba bởi các chuyên gia mà Ủy ban chỉ định.

6. Trường hợp Ủy ban đã nhận được thông báo từ một Quốc gia Thành viên thông báo cho Ủy ban về sự nghi ngờ được chứng minh về sự bất thường hoặc vi phạm liên quan đến việc tuân thủ các sản phẩm hữu cơ nhập khẩu với các yêu cầu được quy định trong Quy định (EC) số 834/2007 và các tiêu chuẩn sản xuất và các biện pháp kiểm soát được chấp nhận là tương đương trên cơ sở đánh giá được thực hiện, nó sẽ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba về nó. Cơ quan có thẩm quyền đó sẽ điều tra nguồn gốc của sự bất thường hoặc vi phạm bị nghi ngờ và trong vòng 30 ngày theo lịch kể từ ngày Ủy ban thông báo, sẽ thông báo cho Ủy ban và Quốc gia Thành viên liên quan về kết quả điều tra và hành động được thực hiện.

Điều 2

Giám sát của cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát

1. Trên cơ sở các báo cáo hàng năm và dựa trên bất kỳ thông tin nào khác nhận được, Ủy ban sẽ đảm bảo sự giám sát thích hợp của các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được đề cập trong Điều 57 (1) của Quy định (EU) 2018/848 và được đưa vào danh sách được thiết lập bởi Quy định thực thi sẽ được thông qua theo Điều 57 (2) của Quy định (EU) 2018/848 ('cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát') bằng cách thường xuyên xem xét sự công nhận của họ. Vì mục đích này, Ủy ban có thể yêu cầu sự hỗ trợ của các Quốc gia Thành viên. Bản chất của việc giám sát của các cơ quan kiểm soát và các cơ quan kiểm soát phải được xác định trên cơ sở cách tiếp cận dựa trên rủi ro về việc không tuân thủ, đặc biệt có tính đến khối lượng sản phẩm được chứng nhận và xuất khẩu của chúng sang Liên minh và kết quả đánh giá tại chỗ, giám sát và đánh giá lại nhiều năm các hoạt động của họ bởi một cơ quan công nhận hoặc, khi thích hợp, bởi một cơ quan có thẩm quyền.

2. Chậm nhất là ngày 28 tháng 02 hàng năm, cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát gửi Ủy ban báo cáo định kỳ hàng năm. Báo cáo hàng năm sẽ cập nhật thông tin của hồ sơ kỹ thuật có trong đơn đề nghị công nhận ban đầu, như được sửa đổi lần cuối. Nó ít nhất phải bao gồm:

- (a) Tổng quan về các hoạt động của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát ở nước thứ ba hoặc nước thứ ba mà cơ quan kiểm soát đã được công nhận, bao gồm số lượng nhà khai thác và nhóm nhà khai thác tham gia và bản chất của nông sản và thực phẩm, được sắp xếp theo danh mục và được nhóm theo mã số thuế quan;
- (b) bất kỳ cập nhật nào về các tiêu chuẩn sản xuất được áp dụng ở nước thứ ba hoặc nước thứ ba mà cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã được công nhận, bao gồm đánh giá sự tương đương của các tiêu chuẩn đó với các quy tắc sản xuất được đề cập trong Tiêu đề III và IV của Quy định (EC) số 834/2007;
- (c) bất kỳ cập nhật nào về các biện pháp kiểm soát được áp dụng ở nước thứ ba hoặc nước thứ ba mà cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã được công nhận, bao gồm đánh giá về sự tương đương với các biện pháp được đề cập trong Tiêu đề V của Quy định (EC) số 834/2007 và xác nhận rằng các biện pháp kiểm soát đó đã được áp dụng vĩnh viễn và hiệu quả;
- (d) mô tả về các hoạt động kiểm soát được thực hiện bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát trong năm trước tại nước thứ ba hoặc nước thứ ba mà nó đã được công nhận

nhận, kết quả thu được, những bất thường và vi phạm được quan sát và các biện pháp khắc phục được thực hiện;

(e) bất kỳ cập nhật nào khác về thông tin của hồ sơ kỹ thuật đã được gửi cùng với đơn đăng ký công nhận ban đầu và các cập nhật tiếp theo;

(f) Bản sao báo cáo đánh giá mới nhất do cơ quan công nhận ban hành hoặc, nếu thích hợp, bởi cơ quan có thẩm quyền, trong đó phải có kết quả đánh giá tại chỗ thường xuyên, giám sát và đánh giá lại nhiều năm về các hoạt động của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát ở nước thứ ba hoặc nước thứ ba mà cơ quan kiểm soát đã được công nhận. Báo cáo đánh giá đó phải xác nhận rằng cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã được đánh giá thỏa đáng về khả năng đáp ứng các điều kiện áp dụng cho việc Ủy ban công nhận và đã thực hiện có hiệu quả các hoạt động của mình theo các điều kiện đó. Hơn nữa, báo cáo đánh giá phải chứng minh và xác nhận sự tương đương của các tiêu chuẩn sản xuất và các biện pháp kiểm soát nêu tại điểm (b) và (c);

(g) trang web internet nơi danh sách các nhà khai thác thuộc hệ thống kiểm soát có thể được tìm thấy bằng ngôn ngữ chính thức của Liên minh, cũng như đầu mối liên lạc nơi có sẵn thông tin về tình trạng chứng nhận của họ, các loại sản phẩm liên quan, cũng như các nhà khai thác và sản phẩm bị đình chỉ và hủy chứng nhận;

(h) bất kỳ thông tin nào khác được coi là có liên quan bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát.

Báo cáo hàng năm và bất kỳ thông tin bổ sung nào theo yêu cầu của Ủy ban liên quan đến báo cáo hàng năm sẽ được cung cấp thông qua OFIS.

3. Ủy ban có thể yêu cầu bất kỳ thông tin bổ sung nào liên quan đến báo cáo hàng năm. Thông tin bổ sung đó sẽ được cung cấp dưới dạng điện tử.

Điều 3

Đánh giá việc công nhận các nước thứ ba

Trong khuôn khổ rà soát thường xuyên việc công nhận các nước thứ ba theo Điều 48 (2) của Quy định (EU) 2018/848, Ủy ban sẽ áp dụng các quy tắc sau và sửa đổi danh sách các nước thứ ba cho phù hợp theo Điều 48 (3) của Quy định đó:

(a) Ủy ban có thể sửa đổi các thông số kỹ thuật trong danh sách bất cứ lúc nào trên cơ sở thông tin nhận được;

(b) Ủy ban có thể đình chỉ việc nhập cảnh của một nước thứ ba khỏi danh sách trên cơ sở thông tin nhận được, hoặc khi một nước thứ ba không cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu hoặc khi nước đó không đồng ý kiểm tra tại chỗ;

(c) Ủy ban sẽ đình chỉ việc nhập cảnh của một nước thứ ba ra khỏi danh sách, sau khi có yêu cầu của Ủy ban, nước thứ ba không thực hiện hành động khắc phục thích hợp và kịp thời trong khoảng thời gian do Ủy ban xác định theo mức độ nghiêm trọng của vấn đề, không ít hơn 30 ngày;

(d) Ủy ban sẽ rút việc nhập cảnh của một nước thứ ba khỏi danh sách:

(i) nước thứ ba không gửi đúng hạn báo cáo hàng năm nêu tại Điều 1(1) của Quy định này;

(ii) các thông tin trong báo cáo thường niên đó không đầy đủ;

- (iii) sau khi có yêu cầu của Ủy ban trong một khoảng thời gian được Ủy ban xác định theo mức độ nghiêm trọng của vấn đề, không ít hơn 30 ngày, nước thứ ba không cung cấp thông tin hoặc không truyền đạt tất cả các thông tin liên quan đến hồ sơ kỹ thuật hoặc hệ thống kiểm soát của mình; hoặc
- (iv) sau khi có yêu cầu từ Ủy ban, nước thứ ba không đồng ý kiểm tra tại chỗ.

Điều 4

Rà soát việc công nhận cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát

1. Trong khuôn khổ rà soát thường xuyên về việc công nhận các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát theo Điều 2 (1) của Quy định này, Ủy ban sẽ áp dụng các quy tắc sau và sửa đổi danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát cho phù hợp theo Điều 57 (2) của Quy định (EU) 2018/848:

- (a) Ủy ban có thể sửa đổi các thông số kỹ thuật liên quan đến cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát trong danh sách bất cứ lúc nào trên cơ sở thông tin nhận được;
- (b) Ủy ban có thể đình chỉ việc đưa cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát ra khỏi danh sách trên cơ sở thông tin nhận được, hoặc khi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát không cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu hoặc khi Ủy ban không đồng ý kiểm tra tại chỗ;
- (c) Ủy ban sẽ đình chỉ việc đưa cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát ra khỏi danh sách, sau khi có yêu cầu của Ủy ban, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát không thực hiện hành động khắc phục thích hợp và kịp thời trong một khoảng thời gian do Ủy ban xác định theo mức độ nghiêm trọng của vấn đề, không ít hơn 30 ngày;
- (d) Ủy ban sẽ rút mục nhập của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khỏi danh sách:
- (i) cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát không gửi đúng hạn báo cáo hàng năm nêu tại Điều 2(2) của Quy chế này;
 - (ii) các thông tin trong báo cáo thường niên chưa đầy đủ;
 - (iii) cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát không có sẵn hoặc không truyền đạt tất cả các thông tin liên quan đến hồ sơ kỹ thuật hoặc hệ thống kiểm soát của mình;
 - (iv) cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát không lưu giữ thông tin có sẵn về các cuộc điều tra về việc không tuân thủ;
 - (v) cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát không thực hiện các biện pháp khắc phục thích hợp để đối phó với việc không tuân thủ và vi phạm được quan sát thấy;
 - (vi) Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát không đồng ý với việc kiểm tra tại chỗ theo yêu cầu của Ủy ban, hoặc nếu kiểm tra tại chỗ cho kết quả âm tính do trực trực có hệ thống của các biện pháp kiểm soát; hoặc
 - (vii) Trong bất kỳ tình huống nào khác, có nguy cơ người tiêu dùng bị lừa dối về bản chất thực sự của các sản phẩm được chứng nhận bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát.

2. Trước khi rút khỏi thỏa thuận theo điểm (d) khoản 1, Ủy ban sẽ yêu cầu cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát khắc phục các tình huống nêu tại điểm đó trong một khoảng thời gian do Ủy ban xác định theo mức độ nghiêm trọng của vấn đề, không ít hơn 30 ngày.

Điều 5

Hiệu lực và áp dụng

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau khi được công bố trên *Tạp chí Chính thức của Liên minh Châu Âu*.

Chương trình áp dụng từ ngày 1/1/2022.

Điều 1 và Điều 3 được áp dụng đến hết ngày 31/12/2026.

Điều 2 và Điều 4 được áp dụng đến hết ngày 31/12/2024.

Quy định này sẽ ràng buộc toàn bộ và áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

Thực hiện tại Brussels, ngày 27 tháng 5 năm 2021.

Đối với Ủy ban

Tổng thống

Ursula VON DER LEYEN

^[1] [OJ L 150, 14.6.2018, tr. 1](#).

^[2] Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ngày 28 tháng 6 năm 2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định (EEC) số 2092/91 ([OJ L 189, 20.7.2007, trang 1](#)).

^[3] Quy định của Ủy ban (EC) số 889/2008 ngày 5 tháng 9 năm 2008 đặt ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ liên quan đến sản xuất, ghi nhãn và kiểm soát hữu cơ ([OJ L 250, 18.9.2008, trang 1](#)).

^[4] Quy định của Ủy ban (EC) số 1235/2008 ngày 8 tháng 12 năm 2008 đặt ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 liên quan đến việc sắp xếp nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ từ các nước thứ ba ([OJ L 334, 12.12.2008, trang 25](#)).